BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: /QĐ-ĐHSPKT *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2016*

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP.HCM**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội có hiệu lực thực hiện từ ngày 1/1/2013 quy đinh điều kiện để cơ sở giáo dục đại học được mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Qui chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Qui chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam,

**QUYẾT ĐỊNH**:

**Điều 1**. Ban hành kèm theo Quyết định này Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 3 (B1) và bậc 4 (B2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, gồm: cấu trúc đề thi và qui định đánh giá điểm các phần kỹ năng thi dành cho người Việt Nam học và sử dụng tiếng Anh.

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực thi hành và áp dụng từ kỳ thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh đợt 1 năm 2017.

**Điều 3**. Phòng Đào tạo, học viên cao học, nghiên cứu sinh, Khoa/Viện quản ngành đào tạo sau đại học và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:* HIỆU TRƯỞNG**

- BGH (để chỉ đạo);

- Khoa/Viện quản ngành;

- Lưu: VT, SĐH.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG ANH**

**Bậc 3 (B1) và bậc 4 (B2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHSPKT ngày 30/8/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM)*

**I. CẤU TRÚC ĐỀ THI**

| **Kỹ năng thi** | **Mục đích** | **Thời gian** | **Số câu hỏi/**  **nhiệm vụ bài thi** | **Dạng câu hỏi/**  **nhiệm vụ bài thi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nghe** | Kiểm tra các tiểu kĩ năng Nghe khác nhau, có độ khó phù hợp với bậc thi 3, 4: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài. | Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời. | 3 phần, 35 câu hỏi nhiều lựa chọn | Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn đã in sẵn trong đề thi. |
| **Đọc** | Kiểm tra các tiểu kĩ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh. | 60 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời. | 4 bài đọc, 40 câu hỏi nhiều lựa chọn | Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi nhiều lựa chọn sau mỗi bài đọc. |
| **Viết** | Kiểm tra kĩ năng Viết tương tác và Viết luận (viết sản sinh). | 60 phút | 2 bài viết | Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ. Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết.  Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng lí do và ví dụ cụ thể để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết. |
| **Nói** | Kiểm tra các kĩ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề. | 12 phút | 3 phần | Phần 1: Tương tác xã hội  Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau.  Phần 2: Thảo luận giải pháp  Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại.  Phần 3: Phát triển chủ đề  Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên. |

**II. QUY ĐỊNH VỀ QUY ĐỔI ĐIỂM THI SANG CÁC BẬC NĂNG LỰC**

1. **Cách tính điểm thi**

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết và Nói được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến 0,5 điểm.

- Điểm trung bình của 4 kỹ năng, làm tròn đến 0,5 điểm, được sử dụng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Anh.

**2. Bảng quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm trung bình (\*)** | **Bậc năng lực** | **Mô tả tổng quát** | **Điều kiện ràng buộc** |
| **Dưới 4,0** | **Không xét** | Không xét khi sử dụng định dạng đề thi này |  |
| **4,0 – 5,5** | **3** | Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực về câu từ, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lí hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng tiếng Anh. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lí do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình. | **Điểm thi mỗi kỹ năng không dưới 3,0 điểm.** |
| **6,0 – 8,0** | **4** | Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kĩ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau. | **Điểm thi mỗi kỹ năng không dưới 5,0 điểm** |

(\*) Điểm trung bình của 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

**HIỆU TRƯỞNG**